



PHỤ LỤC 01

NHU CẦU PHỤ CẤP CÔNG VỤ TỪ NGÀY 01/7/2026 ĐẾN 31/12/2026

(Kèm theo Công văn số 334/UBND-NS ngày 20/10/2026 của UBND xã Đông Trà Bông)

DVT: triệu đồng

TT	Tên cơ quan	Hệ số lương	Chức vụ	Phụ cấp TNV K	Tỷ lệ phụ cấp công vụ tăng thêm	Số tháng hưởng	Tổng nhu cầu kinh phí	Ghi chú
A	B	I	2	3	4	5	$6=(I+2+3)*4*5$	7
	TỔNG CỘNG			-			953,729	
I	Phòng Kinh tế						126,487	
1	Nguyễn Quốc Nhật	3,99	0,25		30%	3	9,654	
	Nguyễn Quốc Nhật	4,40	0,25		30%	3	10,588	
2	Nguyễn Ngọc Huy	4,98			30%	6	22,679	
3	Phạm Văn Hiệp	4,32			30%	4	13,116	
	Phạm Văn Hiệp	4,32	0,15		30%	2	6,785	
4	Trần Quang Vinh	3,66			30%	3	8,334	
	Trần Quang Vinh	3,99			30%	3	9,085	
5	Vũ Thị Thanh Thủy	3,66			30%	6	16,668	
6	Đỗ Thị Thu Hiền	3,00			30%	6	13,662	
7	Nguyễn Huy Cường	3,33			30%	3	7,582	
	Nguyễn Huy Cường	3,66			30%	3	8,334	
II	Trung tâm Phục vụ hành chính công				30%		62,731	
8	Vy Thành Dũng	3,99	0,25		30%	3	9,654	
		4,40	0,25		30%	3	10,588	
9	Hồ Thị Sen	3,00			30%	6	13,662	
10	Hồ Thị Như Phượng	3,33			30%	6	15,165	
11	Đặng Thị Yến	3,00			30%	6	13,662	
III	Phòng Văn hóa - Xã hội						101,964	
12	Bùi Hữu Nam	4,32	0,15		30%	3	10,178	
		4,40	0,25		30%	3	10,588	

13	Huỳnh Văn Thuận	3,66	0,15		30%	3	8,675	
		4,40	0,15		30%	3	10,360	
14	Huỳnh Thị Thanh Tùng	3,66			30%	6	16,668	
15	Đỗ Ngọc Học	3,66			30%	6	16,668	
16	Võ Thị Kim Thanh	3,66			30%	6	16,668	
17	Võ Tấn Lực	2,67			30%	6	12,159	
IV	Văn phòng HĐND&UBND						246,265	
18	Lê Minh Vương	4,74	0,60		30%	4	16,212	
		4,40	0,60		30%	2	7,590	
19	Bùi Dương Khôi	4,65	0,50		30%	3	11,727	
		4,74	0,50		30%	3	11,931	
20	Nguyễn Công Hành	3,99	0,50		30%	3	10,224	
		4,40	0,50		30%	3	11,157	
21	Võ Sỹ Phi	4,32	0,50		30%	3	10,975	
		4,40	0,50		30%	3	11,157	
22	Hồ Văn Hạng	3,33	0,15		30%	6	15,848	
23	Đặng Văn Tuấn	3,33	0,15		30%	6	15,848	
24	Trương Duy Hy	3,99	0,25		30%	3	9,654	
		4,40	0,25		30%	3	10,588	
25	Võ Thị Thủy	3,66			30%	6	16,668	
26	Trương Thị Quỳnh Dung	3,00			30%	3	6,831	
		3,00	0,15		30%	3	7,173	
27	Đỗ Ngọc Trường	3,99			30%	6	18,170	
28	Ngô Đình Tập	3,99			30%	6	18,170	
29	Nguyễn Văn Mân	3,99			30%	6	18,170	
30	Ngô Văn Vân	3,99			30%	6	18,170	
V	Đảng ủy xã						316,594	
31	Nguyễn Văn Dũng	6,56	0,70		30%	6	33,062	
32	Nguyễn Duy Trí	5,08	0,60		30%	6	25,867	
33	Nguyễn Duy Hùng	4,40	0,50		30%	6	22,315	

34	Đỗ Thị Vân	3,33	0,15		30%	6	15,848	
35	Đỗ Quốc Tường	3,33			30%	6	15,165	
36	Nguyễn Thị Huệ	3,33			30%	6	15,165	
37	Đỗ Thị Nữ	3,66			30%	6	16,668	
38	Nguyễn Quốc Bảo	5,08	0,50		30%	6	25,411	
39	Phạm Tấn Ninh	4,32	0,15		30%	6	20,356	
40	Hồ Văn Chính	3,33	0,15		30%	6	15,848	
41	Hồ Văn Viện	3,33	0,15		30%	6	15,848	
42	Lê Thị Thu Trang	3,33	0,15		30%	6	15,848	
43	Nguyễn Quang Tuấn	5,76	0,50		30%	6	28,508	
44	Bùi Quang Dân	3,33	0,15		30%	6	15,848	
45	Nguyễn Thị Vi	3,66			30%	6	16,668	
46	Đỗ Thị Hồng Nhung	3,99			30%	6	18,170	
VI	Ủy Ban Mặt trận TQVN xã						99,687	
47	Nguyễn Thị Hằng	4,40	0,50		30%	6	22,315	
48	Trần Thị Yên	3,33	0,25		30%	6	16,303	
49	Hồ Văn Kiệt	3,00	0,25		30%	6	14,800	
50	Đỗ Thị Mỹ Loan	3,33	0,25		30%	6	16,303	
51	Nguyễn Thị Lại	3,00	0,00		30%	6	13,662	
52	Trang Tấn Tiến	3,33	0,25		30%	6	16,303	

Danh sách này gồm 52 người

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÔNG TRÀ BÔNG**

**PHỤ LỤC 02
NHU CẦU PHỤ CẤP CÔNG VỤ NĂM 2027**

(Kèm theo Công văn số /UBND-NS ngày /10/2026 của UBND xã Đông Trà Bông)

DVT: triệu đồng

TT	Tên cơ quan	Hệ số lương	Chức vụ	Phụ cấp TNV K	Tỷ lệ phụ cấp công vụ tăng thêm (%)	Số tháng hưởng	Tổng nhu cầu kinh phí	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	$6=(1+2+3)*4*5$	7
	TỔNG CỘNG	216,750	7,550	-			2.056,586	
I	Phòng Kinh tế	28,430	0,400				262,584	
1	Nguyễn Quốc Nhật	4,40	0,25		30%	12	42,352	
2	Nguyễn Ngọc Huy	4,98			30%	12	45,358	
3	Phạm Văn Hiệp	4,74	0,15		30%	12	44,538	
4	Trần Quang Vinh	3,99			30%	12	36,341	
5	Vũ Thị Thanh Thủy	3,66			30%	12	33,335	
6	Đỗ Thị Thu Hiền	3,00			30%	12	27,324	
7	Nguyễn Huy Cường	3,66			30%	12	33,335	
II	Trung tâm Phục vụ hành chính công	14,060	0,250				130,335	
8	Vy Thành Dũng	4,40	0,25		30%	12	42,352	
9	Hồ Thị Sen	3,00			30%	12	27,324	
10	Hồ Thị Như Phượng	3,33			30%	12	30,330	
11	Đặng Thị Yến	3,33			30%	12	30,330	
III	Phòng Văn hóa - Xã hội	23,120	0,400				214,220	
12	Bùi Hữu Nam	4,74	0,25		30%	12	45,449	
13	Huỳnh Văn Thuận	4,40	0,15		30%	12	41,441	
14	Huỳnh Thị Thanh Tùng	3,99			30%	12	36,341	
15	Đỗ Ngọc Học	3,66			30%	12	33,335	
16	Võ Thị Kim Thanh	3,66			30%	12	33,335	
17	Võ Tấn Lực	2,67			30%	12	24,318	
IV	Văn phòng HĐND&UBND	56,490	2,800				540,013	

18	Lê Minh Vương	4,74	0,6		30%	12	48,637	
19	Bùi Dương Khôi	4,74	0,5		30%	12	47,726	
20	Nguyễn Công Hành	4,4	0,5		30%	12	44,629	
21	Võ Sỹ Phi	4,4	0,5		30%	12	44,629	
22	Hồ Văn Hạng	4,4	0,15		30%	12	41,441	
23	Đặng Văn Tuấn	4,4	0,15		30%	12	41,441	
24	Trương Duy Hy	4,4	0,25		30%	12	42,352	
25	Võ Thị Thủy	3,66			30%	12	33,335	
26	Trương Thị Quỳnh Dung	4,4	0,15		30%	12	41,441	
27	Đỗ Ngọc Trường	4,32			30%	12	39,347	
28	Ngô Đình Tập	3,99			30%	12	36,341	
29	Nguyễn Văn Mân	4,32			30%	12	39,347	
30	Ngô Văn Vân	4,32			30%	12	39,347	
V	Đảng ủy xã	69,320	3,700				665,066	
31	Nguyễn Văn Dũng	6,92	0,70		30%	12	69,403	
32	Nguyễn Duy Trí	5,42	0,60		30%	12	54,830	
33	Nguyễn Duy Hùng	4,40	0,50		30%	12	44,629	
34	Đỗ Thị Vân	3,33	0,15		30%	12	31,696	
35	Đỗ Quốc Tường	3,66			30%	12	33,335	
36	Nguyễn Thị Huệ	3,66			30%	12	33,335	
37	Đỗ Thị Nữ	3,99			30%	12	36,341	
38	Nguyễn Quốc Bảo	5,08	0,50		30%	12	50,823	
39	Phạm Tấn Ninh	4,40	0,15		30%	12	41,441	
40	Hồ Văn Chính	3,66	0,15		30%	12	34,701	
41	Hồ Văn Viện	3,33	0,15		30%	12	31,696	
42	Lê Thị Thu Trang	3,33	0,15		30%	12	31,696	
43	Nguyễn Quang Tuấn	5,76	0,50		30%	12	57,016	
44	Bùi Quang Dân	4,40	0,15		30%	12	41,441	
45	Nguyễn Thị Vi	3,66			30%	12	33,335	

46	Đỗ Thị Hồng Nhung	4,32			30%	12	39,347	
VI	Ủy Ban Mặt trận TQVN xã	25,330					244,368	
47	Nguyễn Thị Hằng	4,40	0,50		30%	12	44,629	
48	Trần Thị Yên	4,40	0,25		30%	12	42,352	
49	Hồ Văn Kiệt	4,40	0,25		30%	12	42,352	
50	Đỗ Thị Mỹ Loan	4,40	0,25		30%	12	42,352	
51	Nguyễn Thị Lại	3,33	0,00		30%	12	30,330	
52	Trang Tấn Tiến	4,40	0,25		30%	12	42,352	

Danh sách này gồm 52 người